

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21/11/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phương
2. Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 302/2019/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Minh K, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 3, thôn Thuận H, xã Thuận Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú cuối cùng: Tổ 3, thôn Thuận H, xã Thuận Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đã bị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tuyên bố mất tích theo Quyết định số 18/2019/QĐST-VDS ngày 06/9/2019, chị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn ngày 18/9/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Minh K trình bày: Anh và chị Phan Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 23/04/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn thì thời gian đầu sống hạnh phúc, sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Đến ngày 01/01/2008 cô T bỏ đi và anh đã tìm cách liên lạc cũng như tìm kiếm thông tin, kể cả việc về quê của chị T là nơi đăng ký kết hôn để tìm kiếm thông tin nhưng gia đình đã chuyển đi đâu không có thông tin. Do đó, anh K làm đơn yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị T. Tại Quyết định số 18/2019/QĐST-VDS ngày 06/9/2019 Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã

tuyên bố chị T mất tích. Do chị T đã mất tích thời gian quá lâu, kể từ ngày có quyết định tuyên bố mất tích đến nay vẫn không có tin tức của chị T (có đơn trình bày và có xác nhận của chính quyền địa phương), mặc dù bản thân anh và gia đình đã tìm nhiều biện pháp để tìm tin tức, địa chỉ của chị T trên báo và đài tiếng nói Việt Nam nhưng không có kết quả. Hiện tại chị T đã bị Toà án tuyên bố mất tích, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, anh yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với chị T theo quy định của pháp luật, nhằm để ổn định cuộc sống cá nhân. Về con chung, anh K khai vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 20/10/2007, hiện tại cháu đang ở với anh K, sau khi ly hôn anh xin được nuôi cháu. Về chia tài sản, anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Ý kiến của cháu Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 20/10/2007 trình bày tại đơn gửi cho tòa án khai: Hiện nay mẹ bỏ đi, bố làm đơn xin ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với bố, kính mong tòa án xem xét giải quyết.

Chị T hiện không có mặt tại địa phương nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Phan Thị T đã bị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tuyên bố mất tích tại Quyết định số 18/2019/QĐST-VDS ngày 06/9/2019. Anh Phạm Minh K có đơn đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc xin ly hôn giữa anh và chị T, là nơi cư trú cuối cùng của chị T tại xã Thuận Đ, thành phố Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới. Quá trình giải quyết vụ án, do chị T đã mất tích nên Toà án đã tiến hành các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương xác nhận từ ngày có Quyết định tuyên bố chị T mất tích vẫn không có thông tin gì về chị T, nay không xác định được chị T ở đâu và không có mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2019 và tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các bên đương sự để tham gia phiên tòa, nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Toà án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019. Sau đó Toà án tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho các bên đương sự để tham gia phiên tòa vào ngày 21/11/2018 nhưng chị T vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Anh K và chị T đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng

Nam. Việc kết hôn của anh, chị đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Tại phiên tòa anh K xác định tình cảm của anh đối với chị T hiện nay thật sự không còn, không thể xây dựng hạnh phúc gia đình. Quá trình chung sống do chị T đã bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2008, sau khi sinh con được một thời gian ngắn, anh phải nuôi con từ nhỏ đến nay rất vất vả. Theo yêu cầu của anh K, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã có Quyết định số 18/2019/QĐST-VDS ngày 06/9/2019 tuyên bố chị T mất tích theo quy định của pháp luật và đến tại thời điểm Tòa án xét xử chị T vẫn chưa trở về và không có tin tức, địa chỉ. Việc chị T biệt tích thời gian dài và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên đã ảnh hưởng đến tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T cũng như ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của anh K. Qua nghị án Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh, chị không thể khắc phục được, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không ai quan tâm ai mà đã bỏ mặc nhau nhiều năm nay anh, chị đã sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay. Do đó, xử cho anh K được ly hôn chị T theo nguyện vọng của anh là phù hợp với khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh K khai vợ chồng có 01 con chung Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 20/10/2007. Từ khi chị T bỏ nhà đi đến nay, cháu H do anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu H có nguyện vọng xin được ở với bố do mẹ đã bỏ nhà đi. Anh K có nguyện vọng nuôi cháu do hiện nay chị T không có mặt tại địa phương nên giao cháu H cho anh nuôi dưỡng. Về tiền cấp dưỡng nuôi con hiện chị T không có mặt tại địa phương, anh K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh K có quyền yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật bằng một vụ kiện khác khi có căn cứ.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Minh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS: Xử vắng mặt bị đơn chị Phan Thị T

1. Về hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình, xử: cho anh Phạm Minh K ly hôn chị Phan Thị T.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử: Giao 01 con chung Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 20/10/2007 cho anh Phạm Minh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay chị Phan Thị T không có mặt tại địa phương nên không xem xét giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi. Anh K có quyền yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật bằng một vụ kiện khác khi có căn cứ.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc nguyên đơn anh Phạm Minh K phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0005556 ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND xã Trà Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn